Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NỘI DUNG

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 62

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "SAB" theo Quyết định niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số	*Ngày*
0300583659 – Lần thứ nhất	Ngày 29 tháng 2 năm 2012
0300583659 – Lần thứ hai	Ngày 7 tháng 6 năm 2012
0300583659 – Lần thứ ba	Ngày 28 tháng 11 năm 2012
0300583659 – Lần thứ tư	Ngày 29 tháng 1 năm 2016

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm nguyên vật liệu và bao bì.

Trụ sở chính	Số 6, Đường Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa chỉ liên hệ	Tầng 5, Trung tâm Thương mại Vincom, 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Văn phòng đại diện	Văn phòng đại diện tại Hà Nội Tầng 6, số 97, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh	Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch	
Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên	
Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Bích Đạt	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2017
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2017
Ông Chung Trí Dũng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2017
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thanh Hà	Tổng Giám đốc	từ ngày 1 tháng 1 năm 2016
Ông Lê Hồng Xanh	Phụ trách Ban Điều hành	từ ngày 12 tháng 8 năm 2016
Ông Vũ Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2016
Ông Nguyễn Minh An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	
	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi	
Ông Lâm Du An	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	từ ngày 15 tháng 6 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Thanh Hà.

Ông Lê Hồng Xanh được Ông Võ Thanh Hà ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo theo Giấy Ủy quyền ký ngày 12 tháng 8 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.2.1. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 0300583... C.T.C.P TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Hồng Xanh
Phụ trách Ban Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2017

Building a better working world

28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61285332/18758078

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") được trình bày từ trang 6 đến trang 62 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Tổng Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**7.185.306.536.896**	**9.393.822.258.646**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***1.880.612.291.229***	***6.406.079.584.088***
111	1. Tiền		180.612.291.229	82.079.584.088
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.700.000.000.000	6.324.000.000.000
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***		***2.940.000.000.000***	***690.000.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.1	2.940.000.000.000	690.000.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.319.572.867.475***	***1.763.255.912.175***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	654.947.891.118	988.597.454.381
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	25.835.999.243	13.832.516.365
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	665.076.368.095	784.501.266.979
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(40.787.786.892)	(38.175.721.461)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	8	14.500.395.911	14.500.395.911
140	***IV. Hàng tồn kho***		***387.565.239.047***	***386.350.197.611***
141	1. Hàng tồn kho	10	410.266.010.507	409.057.086.518
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10	(22.700.771.460)	(22.706.888.907)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***657.556.139.145***	***148.136.564.772***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	7.330.467.472	32.803.355.806
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.424.137.131	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	640.801.534.542	115.333.208.966

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**6.276.483.775.828**	**7.123.470.613.818**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***341.656.075.565***	***339.428.155.565***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		9.900.000.000	9.900.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	349.656.075.565	347.428.155.565
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	9	(17.900.000.000)	(17.900.000.000)
220	***II. Tài sản cố định***		***2.052.019.379.902***	***2.228.191.166.903***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.157.698.733.135	1.331.775.518.648
222	Nguyên giá		3.386.884.827.897	3.313.299.047.889
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.229.186.094.762)	(1.981.523.529.241)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	894.320.646.767	896.415.648.255
228	Nguyên giá		987.925.803.824	982.135.013.361
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(93.605.157.057)	(85.719.365.106)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***14***	***4.747.955.124***	***5.140.919.628***
231	1. Nguyên giá		7.859.289.977	7.859.289.977
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(3.111.334.853)	(2.718.370.349)
240	***IV. Tài sản dở dang dài hạn***		***29.216.550.436***	***36.622.166.610***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	29.216.550.436	36.622.166.610
250	***V. Đầu tư tài chính dài hạn***		***3.739.661.157.374***	***3.600.674.051.647***
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.2.1	2.728.068.835.029	2.281.120.889.126
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	16.2.2	666.884.845.720	1.000.725.395.720
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.2.3	807.063.205.046	803.276.618.246
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.1, 16.2	(483.224.608.326)	(505.317.731.350)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.1	20.868.879.905	20.868.879.905
260	***VI. Tài sản dài hạn khác***		***109.182.657.427***	***913.414.153.465***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	75.573.566.548	70.407.613.258
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	21.844.700.874	843.006.540.207
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10	11.764.390.005	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**13.461.790.312.724**	**16.517.292.872.464**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 33)
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**3.281.585.395.591**	**6.511.843.483.023**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***3.175.712.426.168***	***6.404.960.725.480***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.407.024.034.688	779.822.160.468
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		788.329.086	249.882.896
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	247.158.425.031	4.394.808.142.167
314	4. Phải trả người lao động		105.953.656.715	55.923.336.369
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	218.943.632.197	150.729.545.584
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	1.006.547.944.823	831.772.077.450
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	189.296.403.628	191.655.580.546
330	***II. Nợ dài hạn***		***105.872.969.423***	***106.882.757.543***
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	51.602.316.000	51.602.316.000
343	2. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		54.270.653.423	55.280.441.543
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**10.180.204.917.133**	**10.005.449.389.441**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***22.1***	***10.180.204.917.133***	***10.005.449.389.441***
411	1. Vốn cổ phần		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*6.412.811.860.000*	*6.412.811.860.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		760.819.802.040	760.819.802.040
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.006.573.255.093	2.831.817.727.401
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*892.137.789.401*	*19.521.966.235*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này*		*2.114.435.465.692*	*2.812.295.761.166*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**13.461.790.312.724**	**16.517.292.872.464**

Người lập	Kế toán trưởng	Phụ trách Ban Điều hành
Đỗ Thị Thanh Loan	Nguyễn Tiến Dũng	Lê Hồng Xanh

Ngày 7 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 33)
1	1. Doanh thu bán hàng	23.1	30.896.051.119.784	8.082.633.304.528
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(551.915.200)	(20.347.502)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	23.1	30.895.499.204.584	8.082.612.957.026
11	4. Giá vốn hàng bán	24	(26.513.435.310.686)	(7.576.590.749.135)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		4.382.063.893.898	506.022.207.891
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	1.630.537.132.498	3.899.678.217.879
22	7. Chi phí tài chính	25	20.775.323.891	102.060.620.893
25	8. Chi phí bán hàng	26	(650.161.156.589)	(601.124.722.190)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(313.787.919.658)	(1.008.123.471.884)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.069.427.274.040	2.898.512.852.589
31	11. Thu nhập khác	27	39.268.221.096	68.294.476.095
32	12. Chi phí khác	27	(13.565.615.120)	(6.702.906.401)
40	13. Lợi nhuận khác	27	25.702.605.976	61.591.569.694
50	14. Lợi nhuận kế toán trước thuế		5.095.129.880.016	2.960.104.422.283
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(11.032.076.992)	(60.948.918.157)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	(821.161.839.333)	163.836.044.365
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.262.935.963.691	3.062.991.548.491

Người lập
Đỗ Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng
Nguyễn Tiến Dũng

Phụ trách Ban Điều hành
Lê Hồng Xanh

Ngày 7 tháng 3 năm 2017

VND

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 33)*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**5.095.129.880.016**	**2.960.104.422.283**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13, 14	259.534.306.168	259.209.247.778
03	Các khoản (hoàn nhập) dự phòng		(19,487,175,040)	461.705.863.107
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ		(92.331.846)	132.869.691
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.632.155.143.717)	(3.949.981.477.124)
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**3,702,929,535,581**	**(268.829.074.265)**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(199.709.449.577)	164.867.209.259
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(12.973.313.994)	21.752.743.344
11	Giảm các khoản phải trả		(2.978.920.606.928)	(599.371.595.015)
12	Giảm chi phí trả trước		20.306.935.044	125.530.494.374
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(536.500.402.568)	(135.293.975.419)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(168.270.788.965)	(115.934.264.113)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(173.138.091.407)**	**(807.278.461.835)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(92.578.393.107)	(150.741.998.595)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		33.427.270	1.250.000.000
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(2.500.000.000.000)	(40.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ đầu tư trái phiếu		250.000.000.000	172.100.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(449.947.945.903)	(118.026.720.800)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		361.795.050.000	64.794.970.000
27	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		1.727.870.978.394	3.925.565.901.739
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(702.826.883.346)**	**3.854.942.152.344**

VND

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 33)*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Chia cổ tức		(3.649.494.476.050)	(1.602.404.535.420)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(3.649.494.476.050)**	**(1.602.404.535.420)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(4.525.459.450.803)**	**1.445.259.155.089**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**6.406.079.584.088**	**4.960.953.298.690**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ**		**(7.842.056)**	**(132.869.691)**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**1.880.612.291.229**	**6.406.079.584.088**

Người lập	Kế toán trưởng	Phụ trách Ban Điều hành
Đỗ Thị Thanh Loan	Nguyễn Tiến Dũng	Lê Hồng Xanh

Ngày 7 tháng 3 năm 2017